

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Báo cáo tài chính Quý 4 kết thúc tại
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Điều hành

Bà Bùi Thị Nhựt
Ông Nguyễn Văn Hùng
Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Ông Võ Thanh Cường

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Nghĩa Lộ,
Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		413.648.933.955	448.998.204.247
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	9.327.936.138	37.710.615.164
Tiền	111		9.327.936.138	37.710.615.164
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		209.833.773.384	225.567.016.808
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	209.337.850.158	225.024.381.858
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	258.575.634	436.922.558
Phải thu ngắn hạn khác	136		237.347.592	105.712.392
Hàng tồn kho	140	11(a)	192.393.463.322	182.687.390.940
Hàng tồn kho	141		192.753.654.633	183.036.156.466
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(360.191.311)	(348.765.526)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.093.761.111	3.033.181.335
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.492.396.399	2.470.001.473
Thuế phải thu Nhà nước	153		601.364.712	563.179.862
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		796.258.749.606	881.934.974.598
Tài sản cố định	220		644.492.386.255	741.488.102.823
Tài sản cố định hữu hình	221	12	644.446.795.545	741.410.330.435
Nguyên giá	222		2.014.533.224.105	2.011.909.088.660
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.370.086.428.560)	(1.270.498.758.225)
Tài sản cố định vô hình	227		45.590.710	77.772.388
Nguyên giá	228		519.545.034	519.545.034
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(473.954.324)	(441.772.646)
Tài sản dở dang dài hạn	240		28.958.114.788	14.435.516.699
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	28.958.114.788	14.435.516.699
Tài sản dài hạn khác	260		122.808.248.563	126.011.355.076
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	112.124.440.611	118.928.709.124
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.260.581.548	2.666.760.635
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11(b)	7.423.226.404	4.415.885.317
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.209.907.683.561	1.330.933.178.845

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)


Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		345.241.989.319	493.995.757.281
Nợ ngắn hạn	310		345.241.989.319	493.995.757.281
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	66.700.462.577	49.265.381.883
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.802.100.000	27.423.572
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	145.040.832.048	216.649.644.530
Phải trả người lao động	314		3.330.773.307	3.489.597.698
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	8.629.979.522	8.907.652.469
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	18.354.258.790	19.265.140.607
Vay ngắn hạn	320		93.500.000.000	189.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	7.883.583.075	7.390.916.522
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		864.665.694.242	836.937.421.564
Vốn chủ sở hữu	410	20	864.665.694.242	836.937.421.564
Vốn cổ phần	411	21	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	36.600.250.272	36.600.250.272
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		378.065.443.970	350.337.171.292
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		304.819.000.731	279.457.411.486
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ này/năm trước	421b		73.246.443.239	70.879.759.806
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.209.907.683.561	1.330.933.178.845

Ngày 20 tháng 01 năm 2026

Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Người lập:

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2025 VND	Quý 4/2024 VND	Lũy kế tại ngày 31/12/2025 VND	Lũy kế tại ngày 31/12/2024 VND
Doanh thu bán hàng	01	26	451.920.075.114	566.019.962.258	1.676.557.775.016	1.993.616.248.934
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	104.938.160	77.616.938	411.270.560	470.629.988
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	26	451.815.136.954	565.942.345.320	1.676.146.504.456	1.993.145.618.946
Giá vốn hàng bán	11	27	403.616.506.068	523.773.715.095	1.548.089.114.019	1.845.555.959.411
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		48.198.630.886	42.168.630.225	128.057.390.437	147.589.659.535
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	537.036.384	1.204.366.865	1.958.685.647	8.943.356.928
Chi phí tài chính	22	28	562.528.362	734.654.664	3.162.769.377	6.976.527.571
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		514.907.671	679.501.007	3.099.805.156	6.619.997.448
Chi phí bán hàng	25	29	3.031.506.230	3.095.331.156	11.004.692.020	12.964.419.534
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	3.409.899.890	2.515.872.588	13.217.077.702	11.491.352.548
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		41.731.732.788	37.027.138.682	102.631.536.985	125.100.716.810
Thu nhập khác	31		768.039.106	374.456.496	1.683.441.424	1.249.005.676
Chi phí khác	32		329.453.888	(2.819.845.522)	952.712.129	944.416.982
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		438.585.218	3.194.302.018	730.729.295	304.588.694
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		42.170.318.006	40.221.440.700	103.362.266.280	125.405.305.504

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2025	Quý 4/2024	Lũy kế tại ngày 31/12/2025	Lũy kế tại ngày 31/12/2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	8.644.458.631	7.809.254.871	23.794.498.658	25.790.483.207
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(122.645.390)	(249.708.778)	(593.820.913)	(415.505.909)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		33.648.504.765	32.661.894.607	80.161.588.535	100.030.328.206
Lãi trên cổ phiếu				(điều chỉnh lại)		(điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	710	686	1.628	2.064



Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt
 Giám đốc

Ngày 20 tháng 01 năm 2026

Người lập:

Võ Thanh Cường
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		103.362.266.280	125.405.305.504
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		100.849.018.049	127.260.018.256
Các khoản dự phòng	03		3.188.162.210	1.927.359.366
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		38.891.437	(95.583.822)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.203.722.570)	(3.083.653.163)
Chi phí lãi vay	06		3.099.805.156	6.619.997.448
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		209.334.420.562	258.033.443.589
Biến động các khoản phải thu	09		15.883.909.844	(134.959.138.921)
Biến động hàng tồn kho	10		(15.901.575.679)	(22.723.504.226)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(55.950.572.946)	(13.997.048.695)
Biến động chi phí trả trước	12		3.768.209.190	(2.266.462.437)
			157.134.390.971	84.087.289.310
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.616.193.425)	(5.388.539.181)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(22.963.569.233)	(35.658.678.174)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		21.060.000	12.420.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.430.349.304)	(6.664.738.995)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		125.145.339.009	36.387.752.960
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(12.806.472.943)	(129.477.561.788)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		270.000.000	-
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		-	(88.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24		-	88.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		933.722.570	3.405.535.903
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.602.750.373)	(126.072.025.885)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Bìa Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33		1.157.400.000.000	1.376.500.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.252.900.000.000)	(1.424.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		(46.425.539.500)	(91.303.628.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(141.925.539.500)	(138.803.628.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(28.382.950.864)	(228.487.900.925)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		37.710.615.164	266.189.958.489
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61		271.838	8.557.600
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	9.327.936.138	37.710.615.164

Ngày 20 tháng 01 năm 2026

Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Người lập:

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Quý 4 năm 2025 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 28 tháng 2 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSQ.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; sản xuất kinh doanh đồ uống chứa cồn và kinh doanh kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 205 nhân viên (1/1/2025: 205 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2025, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2025 được lập cho kỳ kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm
▪ tài sản khác	2 – 10 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia. Các hoạt động khác bao gồm kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Ban Quản lý cho rằng các mảng kinh doanh này không chịu ảnh hưởng đáng kể của biến động theo mùa.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính Quý 4, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có thay đổi đáng kể nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính được lập trong báo cáo tài chính thường niên gần đây nhất hoặc các ước tính được lập trong cùng kỳ giữa niên độ của năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi đáng kể nào trong thành phần của Công ty kể từ khi kết thúc kỳ kế toán thường niên gần nhất ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tạm thời của Công ty trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

7. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong kỳ, không diễn ra hoạt động kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	196.944.581	55.837.045
Tiền gửi ngân hàng	9.130.991.557	37.654.778,119
	<hr/>	<hr/>
	9.327.936.138	37.710.615.164

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	195.865.200.224	211.947.177.947
International Consolidated Business Pty Ltd	12.130.386.207	11.119.820.747
Các khách hàng khác	1.342.263.727	1.957.383.164
	209.337.850.158	225.024.381.858

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	195.865.200.224	211.947.177.947
Công ty liên quan		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	58.839.134	-
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	-	61.398.000

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi.

10. Trả trước cho người bán**Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thiết Kế Xd Và Kiểm Định		
Bách Khoa Việt	75.000.000	25.785.455
Các nhà cung cấp khác	183.575.634	411.137.103
	258.575.634	436.922.558

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 75 triệu VND tiền trả trước để mua tài sản cố định (1/1/2025: 26 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Hàng tồn kho****(a) Hàng tồn kho**

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	113.412.978.654	-	88.427.355.761	-
Công cụ và dụng cụ	8.279.521.683	(360.191.311)	10.610.600.389	(348.765.526)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.522.351.144	-	36.764.177.458	-
Thành phẩm	44.388.345.652	-	47.212.513.058	-
Hàng hóa	150.457.500	-	21.509.800	-
	192.753.654.633	(360.191.311)	183.036.156.466	(348.765.526)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày	
	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	348.765.526	386.969.747
Dự phòng trích lập trong năm	53.192.268	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(41.766.483)	(38.204.221)
Số dư cuối năm	360.191.311	348.765.526

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	23.422.635.218	(15.999.408.814)	17.238.557.706	(12.822.672.389)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày	
	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	12.822.672.389	10.857.108.802
Dự phòng trích lập trong năm	3.229.928.693	2.616.026.167
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(53.192.268)	(650.462.580)
Số dư cuối năm	15.999.408.814	12.822.672.389

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	336.599.223.207	1.664.045.311.312	9.520.927.538	1.198.726.550	544.900.053	2.011.909.088.660
Tăng trong năm	-	1.890.020.000	-	-	-	1.890.020.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.896.000.000	-	-	-	-	1.896.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.229.166.036	-	-	1.229.166.036
Số dư cuối năm	338.562.504.688	1.665.935.331.312	8.291.761.502	1.198.726.550	544.900.053	2.014.533.224.105
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	155.118.354.079	1.104.900.908.408	8.904.855.535	1.091.602.226	483.037.977	1.270.498.758.225
Khấu hao trong năm	13.714.599.330	86.797.415.111	166.766.568	107.124.324	30.931.038	100.816.836.371
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.229.166.036	-	-	1.229.166.036
Số dư cuối năm	168.832.953.409	1.191.698.323.519	7.842.456.067	1.198.726.550	513.969.015	1.370.086.428.560
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	181.480.869.128	559.144.402.904	616.072.003	107.124.324	61.862.076	741.410.330.435
Số dư cuối năm	169.729.551.279	474.237.007.793	449.305.435	-	30.931.038	644.446.795.545

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 935.934 triệu VND (1/1/2025: 34.710 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Giai đoạn mười hai tháng kết thúc ngày	
	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	14.435.516.699	9.798.307.815
Tăng trong năm	12.994.288.548	3.137.729.313
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	3.491.591.022	4.067.764.440
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.963.281.481)	(2.568.284.869)
Số dư cuối năm	28.958.114.788	14.435.516.699

Công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Dự án Nguyễn Thụy - nhà cửa, vật kiến trúc	19.734.714.188	14.435.516.699
Khác	9.223.400.600	-
	28.958.114.788	14.435.516.699

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí lãi vay trả trước VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	112.819.751.504	5.586.884.245	522.073.375	118.928.709.124
Tăng trong năm	-	195.840.000	-	195.840.000
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(3.491.591.022)	-	-	(3.491.591.022)
Phân bổ trong năm	-	(2.986.444.116)	(522.073.375)	(3.508.517.491)
Số dư cuối năm	109.328.160.482	2.796.280.129	-	112.124.440.611

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Phải trả người bán****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	32.811.054.041	34.567.698.610
Công ty Cổ phần Hanacans	7.926.130.824	4.105.348.563
Công Ty TNHH Thương Mại Và Vận Tải Thái Tân	6.936.219.885	1.241.012.172
Công ty TNHH MTV Hà Tân	1.896.360.592	1.984.613.814
Công ty TNHH Thịnh Đức	674.689.956	1.034.000.000
Công Ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	2.305.850.150	-
Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát Crown Đà Nẵng	4.472.339.292	-
Các nhà cung cấp khác	9.677.817.837	6.211.964.724
	66.700.462.577	49.265.381.883

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	32.811.054.041	34.567.698.610
Công ty liên quan		
Công ty TNHH MTV Cơ khí Sa Be Co	558.730.344	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	6.166.936

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số cần trừ trong kỳ VND	31/12/2025 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	186.308.371.146	1.523.188.627.768	(1.593.218.741.232)	-	116.278.257.682
Thuế giá trị gia tăng	22.531.830.724	310.679.191.582	(193.644.541.467)	(119.444.359.752)	20.122.121.087
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.809.254.871	23.794.498.658	(22.963.569.233)	-	8.640.184.296
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.508.315.543	(2.546.500.393)	38.184.850	-
Thuế nhập khẩu	-	32.506.560	(32.506.560)	-	-
Các loại thuế khác	187.789	6.076.800	(5.995.606)	-	268.983
	216.649.644.530	1.860.209.216.911	(1.812.411.854.491)	(119.406.174.902)	145.040.832.048

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí lãi vay	8.443.195.505	8.481.657.149
Chi phí khác	186.784.017	425.995.320
	8.629.979.522	8.907.652.469

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ tức phải trả	14.728.530.000	16.154.069.500
Phải trả khác	3.625.728.790	3.111.071.107
	18.354.258.790	19.265.140.607

19. Vay ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		31/12/2025 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	189.000.000.000	1.157.400.000.000	(1.252.900.000.000)	93.500.000.000

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/03/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (i)	VND	5.7%	93.500.000.000	120.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (ii)	VND		-	69.000.000.000
			93.500.000.000	189.000.000.000

(i) Khoản vay không được đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	7.390.916.522	6.859.459.423
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	6.383.785.296	6.178.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	518.170.561	1.005.776.094
Tiền thu khác	21.060.000	12.420.000
Sử dụng trong năm	(6.430.349.304)	(6.664.738.995)
Số dư cuối năm	7.883.583.075	7.390.916.522

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	450.000.000.000	36.600.250.272	347.963.187.580	834.563.437.852
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	100.030.328.206	100.030.328.206
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(6.178.000.000)	(6.178.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 (Thuyết minh 20)	-	-	(1.005.776.094)	(1.005.776.094)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(472.568.400)	(472.568.400)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	450.000.000.000	36.600.250.272	350.337.171.292	836.937.421.564
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	80.161.588.535	80.161.588.535
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(6.383.785.296)	(6.383.785.296)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 (Thuyết minh 20)	-	-	(518.170.561)	(518.170.561)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(531.360.000)	(531.360.000)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	450.000.000.000	36.600.250.272	378.065.443.970	864.665.694.242

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty ngày 4 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức cho các cổ đông là 67.500 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024, trong đó tạm ứng cổ tức 22.500 triệu VND cho cổ đông năm 2024 (năm 2023: 67.500 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023).

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	3.324.543.639	3.408.321.286
Từ hai đến năm năm	13.633.285.135	13.633.285.144
Trên năm năm	58.688.491.144	62.096.812.471
	75.646.319.918	79.138.418.901

(b) Ngoại tệ

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	383,52	10.001.051	119.437	3.015.897.879

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	153.608.918.322	27.859.309.853
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.281.317.919	395.555.555

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa, thành phẩm	1.662.534.381.224	1.977.957.725.353
▪ Bán phế liệu	14.023.393.792	15.658.523.581
	<hr/>	<hr/>
	1.676.557.775.016	1.993.616.248.934
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	411.270.560	470.629.988
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	1.676.146.504.456	1.993.145.618.946
	<hr/>	<hr/>

27. Giá vốn hàng bán

	2025 VND	2024 VND
▪ Hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.545.033.218.185	1.838.837.065.520
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	3.055.895.834	6.718.893.891
	<hr/>	<hr/>
	1.548.089.114.019	1.845.555.959.411
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi	933.722.570	3.083.653.163
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.024.963.077	5.764.119.943
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	95.583.822
	1.958.685.647	8.943.356.928

29. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	3.099.805.156	6.619.997.448
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.072.784	356.530.123
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	38.891.437	-
	3.162.769.377	6.976.527.571

30. Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.684.038.029	8.829.507.448
Chi phí nhân viên	3.608.631.148	3.320.431.022
Vật liệu và dụng cụ	242.758.928	335.340.239
Chi phí bán hàng khác	469.263.915	479.140.825
	11.004.692.020	12.964.419.534

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	8.474.244.890	6.861.947.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.791.628.629	1.502.282.593
Chi phí khấu hao và phân bổ	751.411.623	811.012.188
Chi phí dụng cụ, thiết bị văn phòng	585.327.996	486.218.172
Thuế, phí và lệ phí	40.642.227	390.407.440
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.573.822.337	1.439.484.201
	13.217.077.702	11.491.352.548

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.378.923.187.582	1.674.093.799.367
Chi phí khấu hao và phân bổ	100.849.018.049	127.260.018.256
Chi phí nhân viên	55.619.302.919	49.104.121.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.307.066.706	21.134.226.600
Chi phí khác	5.675.262.465	5.994.038.171

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***33. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	23.790.224.323	24.829.874.263
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	4.274.335	960.608.944
	<hr/> 23.794.498.658	<hr/> 25.790.483.207
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(593.820.913)	(415.505.909)
	<hr/> 23.200.677.745	<hr/> 25.374.977.298

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	103.362.266.280	125.405.305.504
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20.672.453.256	25.081.061.101
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.523.949.792	261.162.196
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	4.274.335	960.608.944
Điều chỉnh khác	-	(927.854.943)
	<hr/> 23.200.677.383	<hr/> 25.374.977.298

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cho Nhà nước với mức thuế suất là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025 VND	2024 VND (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong năm	80.161.588.535	100.030.328.206
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(6.383.785.296)	(6.178.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	(518.170.561)
Trích quỹ công tác xã hội (*)	(531.360.000)	(472.568.400)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	73.246.443.239	92.861.589.245

(*) Số trích vào trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ công tác xã hội được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(**) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 được điều chỉnh lại dựa trên số trích thực tế theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 đã được điều chỉnh lại thành 2.064 VND/cổ phiếu do điều chỉnh số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (theo báo cáo trước đây: 2.107 VND/cổ phiếu).

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính năm 2025, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2025 VND	2024 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	3.090.273.487.960	3.633.121.437.815
Doanh thu khác	953.104.070	549.752.094
Mua nguyên vật liệu	886.805.711.223	974.028.183.550
Cổ tức đã trả	29.950.000.000	59.900.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Cổ tức đã trả	1.166.667.000	2.333.334.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Mua hàng hóa	1.231.418.210	737.720.470
Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	352.910.150	262.750.480
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam		
Bán hàng hóa	654.450.000	721.450.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	153.824.000	149.564.000
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	133.527.777	208.072.859
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co		
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.878.158.544	553.579.250
Mua TSCĐ	1.000.020.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Cho thuê Pallet	166.023.133	-
Chi phí sử dụng vỏ chai, Pallet	2.395.826	12.239.193
Công ty Cổ Phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân		
Bán Hàng hóa	17.700.000	-
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh		
Bán Hàng hóa	14.700.000	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	2025 VND	2024 VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội		
Bán Hàng hóa	27.000.000	-
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện lạnh Bách Khoa		
Mua TSCĐ	9.223.400.600	70.818.000
	2025 VND	2024 VND
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Koo Liang Kwee – Chủ tịch	130.000.000	140.000.000
Bà Bùi Thị Nhựt – Thành viên	91.000.000	98.000.000
Ông Đinh Văn Thành – Thành viên	91.000.000	98.000.000
Ông Trần Nguyên Trung – Thành viên	91.000.000	98.000.000
Ông Văn Thảo Nguyên – Thành viên	91.000.000	98.000.000
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Văn Hòa – Trưởng ban	85.000.000	56.000.000
Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân – Thành viên	122.739.309	385.330.704
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều – Thành viên	52.000.000	56.000.000
Ban điều hành		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	4.715.981.248	4.183.584.485

36. Thông tin so sánh

Ngoại trừ lỗi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh như được trình bày ở Thuyết minh 34, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Người lập:



Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng